

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 472/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 01 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

- Mã chứng khoán: PAC

- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM

- Điện thoại: 028.39203062 Fax: 028.39203060

- Email: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ 2024 đã được soát xét.

3. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/08/2024 tại đường dẫn: www.pinaco.com.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

BCTC giữa niên độ 2024 đã được soát
xét

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN NĂM

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
PIN ẮC
QUY
MIỀN
NAM

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN PIN ẮC
QUY MIỀN NAM
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN
PIN ẮC QUY MIỀN NAM,
o=CÔNG TY CỔ PHẦN PIN
ẮC QUY MIỀN NAM,
ou=CÔNG TY CỔ PHẦN PIN
ẮC QUY MIỀN NAM,
c=VN,
1.2.840.113549.1.1.1
MST:0300405462
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2024.08.01
16:14:28+07'00
Foxit PDF Reader
Version: 12.1.1



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng
Ông Lê Văn Năm
Ông Nguyễn Văn Chung
Ông Nguyễn Quốc Việt
Ông Shigeru Ezure

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh
Bà Phan Thị Hoàng Giang
Bà Vũ Thị Mai Nhung

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm
Ông Nguyễn Điền Phước Chân
Ông Nguyễn Duy Hưng
Ông Nguyễn Hoàng Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất
Phó Tổng Giám Đốc Tài chính
Phó Tổng Giám Đốc Kinh doanh

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
Phường Cô Giang, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

.1120
:HI N
)NG T
KPI
PHỐ H

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00454-24-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.871.963.651.101	1.726.186.325.353
Tiền	110	6	170.853.023.655	161.948.859.873
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		525.000.000.000	505.870.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	7	525.000.000.000	505.870.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		387.682.212.740	298.207.985.116
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	329.204.587.972	226.235.961.600
Trả trước cho người bán	132	9	49.671.780.407	37.367.915.388
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	10.157.532.915	35.793.437.090
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.351.688.554)	(1.189.519.776)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	190.814
Hàng tồn kho	140	12	638.338.014.512	643.252.164.220
Hàng tồn kho	141		639.411.947.302	646.962.409.150
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.073.932.790)	(3.710.244.930)
Tài sản ngắn hạn khác	150		150.090.400.194	116.907.316.144
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.813.800.639	4.820.706.142
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	21(b)	145.276.599.555	112.086.610.002

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		688.454.078.281	707.319.377.892
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.133.653.105	5.332.346.253
Phải thu dài hạn khác	216		6.133.653.105	5.332.346.253
Tài sản cố định	220		319.926.283.128	332.029.868.951
Tài sản cố định hữu hình	221	13	269.771.259.841	274.686.605.679
<i>Nguyên giá</i>	222		1.254.508.456.320	1.240.959.152.322
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(984.737.196.479)	(966.272.546.643)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	41.852.166.370	49.628.150.449
<i>Nguyên giá</i>	225		59.546.475.512	66.298.132.171
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(17.694.309.142)	(16.669.981.722)
Tài sản cố định vô hình	227	15	8.302.856.917	7.715.112.823
<i>Nguyên giá</i>	228		40.200.029.434	39.176.827.529
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(31.897.172.517)	(31.461.714.706)
Tài sản dở dang dài hạn	240		83.151.862.857	87.038.607.873
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	83.151.862.857	87.038.607.873
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		246.742.279.191	250.418.554.815
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	207.276.141.100	209.297.352.549
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	2.860.080.679	3.430.945.794
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12	36.606.057.412	37.690.256.472
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.560.417.729.382	2.433.505.703.245

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

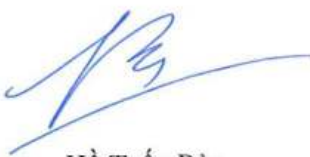
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.632.866.093.313	1.489.037.435.221
Nợ ngắn hạn	310		1.614.536.455.466	1.467.423.205.920
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	139.362.564.097	212.941.446.259
Người mua trả tiền trước	312		7.384.693.211	12.145.154.517
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21(a)	5.820.998.260	8.215.049.025
Phải trả người lao động	314		73.506.926.740	94.504.823.120
Chi phí phải trả	315	22	87.575.586.951	25.941.408.583
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	51.057.106.920	4.453.639.129
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	1.206.826.616.282	1.071.746.855.052
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	11.075.428.804	10.128.016.370
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	31.926.534.201	27.346.813.865
Nợ dài hạn	330		18.329.637.847	21.614.229.301
Phải trả dài hạn khác	337		1.909.600.000	1.909.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	16.420.037.847	19.704.629.301
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		927.551.636.069	944.468.268.024
Vốn chủ sở hữu	410	27	927.551.636.069	944.468.268.024
Vốn cổ phần	411	28	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		389.208.670.171	355.111.097.634
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.041.196.674	123.055.401.166
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.983.882.119	7.853.056.978
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		62.057.314.555	115.202.344.188
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.560.417.729.382	2.433.505.703.245

Ngày 1 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
 Nhân viên phòng Kế toán - Tài chính



Nguyễn Văn Diệp
 Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	31	1.949.687.608.268	1.813.437.350.021
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	303.475.105.381	164.111.610.997
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	31	1.646.212.502.887	1.649.325.739.024
Giá vốn hàng bán	11	32	1.430.852.378.324	1.426.772.395.196
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		215.360.124.563	222.553.343.828
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	24.073.980.957	27.607.517.397
Chi phí tài chính	22	34	33.242.351.973	36.792.225.091
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.488.877.761	31.984.582.608
Chi phí bán hàng	25	35	90.964.491.880	109.671.552.697
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	32.336.207.171	26.487.506.624
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		82.891.054.496	77.209.576.813
Thu nhập khác	31		450.705.655	48.527.405
Chi phí khác	32		14.678.490	509.545
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		436.027.165	48.017.860
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		83.327.081.661	77.257.594.673
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	20.698.901.991	18.207.239.853
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	38	570.865.115	(147.433.954)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		62.057.314.555	59.197.788.774
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	1.202	1.146

Ngày 1 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
 Nhân viên phòng Kế toán - Tài chính
 Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Người duyệt:




Nguyễn Văn Diệp
 Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		83.327.081.661	77.257.594.673
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		41.454.892.283	45.041.018.397
Các khoản dự phòng	03		9.661.195.167	472.772.989
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.730.499.143	897.094.450
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(20.320.839.042)	(19.317.272.980)
Chi phí lãi vay	06		22.488.877.761	31.984.582.608
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		139.341.706.973	136.335.790.137
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09		(157.066.365.877)	(191.747.819.455)
Biến động hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10		8.634.660.908	216.699.562.207
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(41.865.103.908)	112.378.014.495
Biến động chi phí trả trước	12		6.893.213.938	4.669.061.619
			(44.061.887.966)	278.334.609.003
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.274.788.256)	(32.607.441.141)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.401.459.434)	(8.576.682.016)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.874.591.769)	(12.598.438.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(106.612.727.425)	224.552.047.270
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.766.725.159)	(47.547.321.725)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		260.112.293	-
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(525.000.000.000)	(505.870.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		505.870.000.000	542.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		46.500.992.117	38.607.089.692
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		8.864.379.251	27.189.767.967

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.465.432.712.445	1.025.317.178.606
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.331.389.150.710)	(1.235.462.848.687)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.048.067.928)	(5.470.835.934)
Tiền trả cổ tức	36		(23.234.463.357)	(46.469.648.532)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		105.761.030.450	(262.086.154.547)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		8.012.682.276	(10.344.339.310)
Tiền đầu kỳ	60		161.948.859.873	113.688.426.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		891.481.506	(131.644.377)
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	170.853.023.655	103.212.443.178

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	14.386.304.381	10.103.488.235

Ngày 1 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
Nhân viên phòng Kế toán - Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			30/6/2024	1/1/2024
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh phụ thuộc tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng và 2 xí nghiệp sản xuất ắc quy tại Tỉnh Đồng Nai và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1.249 nhân viên (1/1/2024: 1.244 nhân viên).

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng cố liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của tài sản cố định vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán trước đó vào mỗi kỳ kế toán theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán trước đó vào mỗi kỳ kế toán theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ với sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ mà sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm/kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm/kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy. Ban Giám đốc cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất và báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	6.124.190.596	4.262.239.528
Tiền gửi ngân hàng	163.428.833.059	157.686.620.345
Tiền đang chuyển	1.300.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	170.853.023.655	161.948.859.873
	<hr/>	<hr/>

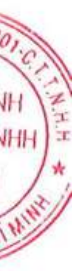
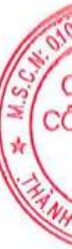
7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch nhưng dưới một năm từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,3% đến 5,2% tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 6,2% đến 9,5%).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ông Chea Se	25.954.588.670	20.346.905.790
Romisa Trading Enterprises	18.399.853.152	8.192.755.379
Công ty TNHHẮc quy Vĩnh Phúc	12.508.715.520	7.849.128.960
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	11.561.527.353	13.616.133.177
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đầu tư và Thương mại Toàn Phát	11.561.196.985	7.181.743.195
Sterlingson Pte Ltd	7.934.593.655	393.056.912
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bình Hiệp Phát	7.166.937.482	7.035.484.476
Công ty TNHH Một Thành Viên Hồng Đức Battery	6.561.077.183	5.186.205.476
Faith Chemical Enterprises	4.013.071.102	4.718.324.266
Naseem Al Rafaidain Trading LLC	-	8.209.340.330
Các khách hàng khác	223.543.026.870	143.506.883.639
	<hr/>	<hr/>
	329.204.587.972	226.235.961.600
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Trả trước cho người bán

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Better Technology Group Limited	13.177.400.242	5.942.565.156
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico	10.171.752.579	6.110.462.121
Công Ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng Hoàng Gia	3.993.975.936	1.390.752.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch & Thương Mại TST	3.459.232.000	-
Sorfin Yoshimura Tokyo, Ltd	-	9.681.067.550
Các nhà cung cấp khác	18.869.419.650	14.243.068.561
	<hr/>	<hr/>
	49.671.780.407	37.367.915.388
	<hr/>	<hr/>

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	4.372.630.138	30.812.895.506
Trả trước cho thuê tài chính	3.047.872.847	3.661.331.251
Tạm ứng cho nhân viên	2.629.363.374	1.285.342.792
Phải thu khác	107.666.556	33.867.541
	<hr/>	<hr/>
	10.157.532.915	35.793.437.090
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.327.732.388	(398.319.716)	929.412.672
Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	1.143.390.888	(596.545.850)	546.845.038
		2.586.075.276	(1.109.817.566)	1.476.257.710
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		2.827.946.264	(1.351.688.554)	1.476.257.710
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>				
Faith Chemical Enterprises Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.848.485.446	(554.545.634)	1.293.939.812
Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	409.345.773	(278.151.154)	131.194.619
		2.372.783.219	(947.648.788)	1.425.134.431
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:</i>				
Công ty TNHH Tín An	Trên 3 năm	12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co., Ltd	Trên 3 năm	95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd	Trên 3 năm	134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		2.614.654.207	(1.189.519.776)	1.425.134.431

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.189.519.776	1.385.348.860
Số trích lập trong kỳ	162.168.778	241.870.988
Số hoàn nhập trong kỳ	-	(620.747.958)
	1.351.688.554	1.006.471.890

12. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	57.853.169.400	-	143.010.086.763	-
Nguyên vật liệu	258.001.801.617	-	157.937.335.874	-
Công cụ và dụng cụ	8.863.668.761	-	8.504.070.966	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	170.541.566.081	-	148.916.680.298	-
Thành phẩm	144.149.330.712	(1.073.932.790)	188.591.824.518	(3.710.244.930)
Hàng hóa	2.410.731	-	2.410.731	-
	639.411.947.302	(1.073.932.790)	646.962.409.150	(3.710.244.930)
Hàng tồn kho				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	36.606.057.412	-	37.690.256.472	-

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.710.244.930	2.438.073.116
Số hoàn nhập trong kỳ	(2.636.312.140)	(404.814.785)
	1.073.932.790	2.033.258.331

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	211.864.270.602	970.055.344.396	40.081.269.522	14.110.948.192	4.847.319.610	1.240.959.152.322
Tăng trong kỳ	-	364.576.426	-	163.500.000	-	528.076.426
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 14)	-	6.751.656.659	-	-	-	6.751.656.659
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	-	27.794.449.806	-	-	-	27.794.449.806
Thanh lý trong kỳ	-	(21.315.922.256)	(49.600.000)	(159.356.637)	-	(21.524.878.893)
Số dư cuối kỳ	211.864.270.602	983.650.105.031	40.031.669.522	14.115.091.555	4.847.319.610	1.254.508.456.320
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	143.128.340.368	777.069.386.026	30.453.475.173	12.431.710.260	3.189.634.816	966.272.546.643
Khấu hao trong kỳ	5.435.773.035	29.847.671.317	1.266.671.483	321.576.093	208.840.558	37.080.532.486
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 14)	-	2.914.574.566	-	-	-	2.914.574.566
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(5.578.323)	-	-	-	(5.578.323)
Thanh lý trong kỳ	-	(21.315.922.256)	(49.600.000)	(159.356.637)	-	(21.524.878.893)
Số dư cuối kỳ	148.564.113.403	788.510.131.330	31.670.546.656	12.593.929.716	3.398.475.374	984.737.196.479
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	68.735.930.234	192.985.958.370	9.627.794.349	1.679.237.932	1.657.684.794	274.686.605.679
Số dư cuối kỳ	63.300.157.199	195.139.973.701	8.361.122.866	1.521.161.839	1.448.844.236	269.771.259.841

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 601.673 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 570.969 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 18.741 triệu VND (1/1/2024: 21.119 triệu VND) đang được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	66.298.132.171
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(6.751.656.659)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	59.546.475.512
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	16.669.981.722
Khấu hao trong kỳ	3.938.901.986
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(2.914.574.566)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	17.694.309.142
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	49.628.150.449
Số dư cuối kỳ	41.852.166.370
	<hr/>

Công ty thuê một số máy móc và thiết bị theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	23.114.143.021	10.843.905.852	5.218.778.656	39.176.827.529
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	-	1.023.201.905	-	1.023.201.905
Số dư cuối kỳ	23.114.143.021	11.867.107.757	5.218.778.656	40.200.029.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	15.979.774.662	10.263.161.388	5.218.778.656	31.461.714.706
Khấu hao trong kỳ	188.762.326	246.695.485	-	435.457.811
Số dư cuối kỳ	16.168.536.988	10.509.856.873	5.218.778.656	31.897.172.517
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.134.368.359	580.744.464	-	7.715.112.823
Số dư cuối kỳ	6.945.606.033	1.357.250.884	-	8.302.856.917

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 15.235 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 15.235 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	87.038.607.873	85.392.592.894
Tăng trong kỳ	29.801.582.004	17.259.110.634
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(27.794.449.806)	(6.018.514.850)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 15)	(1.023.201.905)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.870.675.309)	-
Số dư cuối kỳ	83.151.862.857	96.633.188.678

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn bao gồm như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Máy móc và thiết bị đang chờ lắp đặt	81.350.639.304	85.457.942.043
Các công trình khác	1.801.223.553	1.580.665.830
	83.151.862.857	87.038.607.873

17. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/6/2024		1/1/2024	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,00%	32.500.000.000	26,00%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	190.514.205.344	3.039.482.176	15.743.665.029	209.297.352.549
Tăng trong kỳ	-	1.232.796.134	5.114.899.115	6.347.695.249
Phân bổ trong kỳ	(2.582.005.963)	(1.191.793.407)	(4.595.107.328)	(8.368.906.698)
Số dư cuối kỳ	187.932.199.381	3.080.484.903	16.263.456.816	207.276.141.100

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, chi phí đất trả trước dài hạn với giá trị còn lại là 15.442 triệu VND (1/1/2024: 15.712 triệu VND) đang được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.215.085.761	2.025.603.274
Chi phí phải trả	20%	430.208.360	663.293.534
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	214.786.558	742.048.986
		2.860.080.679	3.430.945.794

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Trafigura Pte Ltd	17.914.130.517	67.477.496.877
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	14.057.762.503	13.740.209.748
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	9.789.102.442	1.741.229.094
Thai United Industry Company Ltd.	9.375.929.133	14.487.055.843
Công ty TNHH Thye Ming (Việt Nam)	8.310.730.398	3.263.659.014
Samji Metal Ind Co., Ltd	7.356.308.697	11.881.217.904
Baoding Golden Sunlight Power	6.565.283.655	6.293.888.700
Guangxi Guilu New Material Co., Ltd	3.308.942.700	6.695.036.000
Các nhà cung cấp khác	62.684.374.052	87.361.653.079
	139.362.564.097	212.941.446.259

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2023 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	585.200.000	590.388.700
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	920.484.000	937.293.120
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	40.176.000	13.910.400
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	38.500.000	38.500.000

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	340.603.355.673	(260.614.503.352)	(79.196.012.789)	792.839.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.526.976.017	20.698.901.991	-	(23.401.459.434)	7.824.418.574
Thuế thu nhập cá nhân	(807.285.757)	4.008.227.332	-	(4.066.248.133)	(865.306.558)
Phí thuê đất và các loại thuế khác	(1.504.641.235)	7.470.003.069	-	(7.896.315.122)	(1.930.953.288)
	8.215.049.025	372.780.488.065	(260.614.503.352)	(114.560.035.478)	5.820.998.260

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	112.086.610.002	293.804.492.905	(260.614.503.352)	145.276.599.555

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	63.463.398.193	10.397.805.834
Chi phí bảo hiểm	11.565.831.481	9.447.925.240
Chi phí tái chế	7.668.247.500	-
Chi phí vận chuyển	1.402.660.343	2.318.519.338
Chi phí lãi vay	608.381.459	1.394.291.954
Các khoản chi phí phải trả khác	2.867.067.975	2.382.866.217
	<hr/>	<hr/>
	87.575.586.951	25.941.408.583
	<hr/>	<hr/>

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tạm ứng dự án	3.000.000.000	3.000.000.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	1.050.970.830	369.286.380
Cổ tức	46.497.293.926	24.196.783
Các khoản phải trả khác	508.842.164	1.060.155.966
	<hr/>	<hr/>
	51.057.106.920	4.453.639.129
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2024		30/6/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba (i)	32.500.000.000	32.500.000.000	-	32.500.000.000
Vay ngân hàng (ii)	1.014.877.656.333	1.014.877.656.333	2.799.675.969	1.159.720.894.037
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	24.369.198.719	24.369.198.719	(13.048.067.928)	14.605.722.245
	1.071.746.855.052	1.071.746.855.052	2.799.675.969	1.206.826.616.282

(i) Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát, một công ty liên kết, theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HDVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và Phụ lục Hợp đồng số: 01/2019/PLHD /VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo điều khoản của Phụ lục Hợp đồng, khoản vay này đến hạn trả vào ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty vẫn chưa hoàn tất thỏa thuận gia hạn hợp đồng.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.025.760.092	44.073.828.020
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))	(14.605.722.245)	(24.369.198.719)
	<hr/>	<hr/>
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng	16.420.037.847	19.704.629.301

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm		30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
		2024	2023		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	7,5%	7,4%	7.505.000.000	15.505.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank (ii)	VND	7,2%-8,2%	7,4%-9,4%	23.520.760.092	28.568.828.020
				<hr/>	<hr/>
				31.025.760.092	44.073.828.020

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ lần lượt là 18.741 triệu VND và 15.442 triệu VND (1/1/2024: 15.119 triệu VND và 15.712 triệu VND) (Thuyết minh 13 và Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính là từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank. Nợ gốc và lãi của khoản nợ thuế tài chính này sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi VND
Trong vòng một năm	8.508.923.648	1.408.201.403	10.871.433.942	2.007.235.223
Trong vòng hai đến năm năm	17.963.538.298	1.543.500.451	22.320.339.303	2.615.710.002
	26.472.461.946	2.951.701.854	33.191.773.245	4.622.945.225
				8.864.198.719
				19.704.629.301
				28.568.828.020

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.128.016.370	9.220.293.701
Số trích lập trong kỳ	12.135.338.529	1.256.464.744
Số sử dụng trong kỳ	(11.187.926.095)	(887.288.424)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.075.428.804	9.589.470.021

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	27.346.813.865	25.385.982.007
Số trích lập trong kỳ	9.266.386.010	14.792.007.527
Số sử dụng trong kỳ	(4.686.665.674)	(11.711.150.152)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	31.926.534.201	28.466.839.382

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	123.055.401.166	944.468.268.024
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	62.057.314.555	62.057.314.555
Cổ tức (ii)	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	34.097.572.537	(34.097.572.537)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(9.266.386.010)	(9.266.386.010)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	389.208.670.171	72.041.196.674	927.551.636.069
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	145.069.963.985	923.059.833.263
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	59.197.788.774	59.197.788.774
Cổ tức	-	-	-	(79.001.901.900)	(79.001.901.900)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	43.422.997.580	(43.422.997.580)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.792.007.527)	(14.792.007.527)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	67.050.845.752	888.463.712.610

(i) Trong kỳ, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 165/PA-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2024.

(ii) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 69.708 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF)	5.932.382	12,77%	-	-
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công đoàn Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	2.199.234	4,73%	2.236.534	4,81%
Các cổ đông khác	9.542.110	20,53%	15.437.192	33,22%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.903.695.430	4.423.565.652
Trong vòng hai đến năm năm	4.716.216.165	7.363.606.819
	9.619.911.595	11.787.172.471
	9.619.911.595	11.787.172.471

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	22.545.305.322	20.695.129.201
	22.545.305.322	20.695.129.201
	22.545.305.322	20.695.129.201

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.309.955	33.080.295.888	1.621.791	39.052.710.424
EUR	44.098	1.174.329.367	249	6.553.510
		34.254.625.255		39.059.263.934
		34.254.625.255		39.059.263.934

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do toàn bộ tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng VND
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
Doanh thu thuần	1.233.142.021.144	413.070.481.743	1.646.212.502.887
Giá vốn hàng bán	(1.093.225.261.322)	(337.627.117.002)	(1.430.852.378.324)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	139.916.759.822	75.443.364.741	215.360.124.563
<hr/>			
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023			
Doanh thu thuần	1.293.188.771.206	356.136.967.818	1.649.325.739.024
Giá vốn hàng bán	(1.098.348.378.072)	(328.424.017.124)	(1.426.772.395.196)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	194.840.393.134	27.712.950.694	222.553.343.828
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán pin và ắc quy	1.949.687.608.268	1.813.437.350.021
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(299.381.540.311)	(156.028.315.300)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.093.565.070)	(8.083.295.697)
	(303.475.105.381)	(164.111.610.997)
Doanh thu thuần	1.646.212.502.887	1.649.325.739.024

32. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Pin và ắc quy đã bán	1.431.107.799.802	1.345.593.848.215
Khuyến mãi có điều kiện	2.380.890.662	81.583.361.766
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.636.312.140)	(404.814.785)
	1.430.852.378.324	1.426.772.395.196



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	20.060.726.749	19.317.272.980
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.013.254.208	8.290.244.417
	24.073.980.957	27.607.517.397

34. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22.488.877.761	31.984.582.608
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.022.975.069	3.910.548.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.730.499.143	897.094.450
	33.242.351.973	36.792.225.091

35. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.395.638.812	22.299.279.162
Chi phí vận chuyển	18.029.016.568	16.874.799.151
Chi phí quảng cáo	14.842.969.704	27.047.913.969
Chi phí bảo hành	12.135.338.529	8.564.590.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.767.402.611	9.693.956.769
Chi phí bao bì	1.905.052.465	1.625.642.513
Chi phí khấu hao và phân bổ	452.223.552	954.075.451
Chi phí bán hàng khác	12.436.849.639	22.611.295.432
	90.964.491.880	109.671.552.697

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	16.590.489.670	15.094.966.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.858.493.774	6.014.592.410
Chi phí khấu hao và phân bổ	400.411.895	326.010.177
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	162.168.778	(378.876.970)
Chi phí quản lý khác	9.324.643.054	5.430.814.936
	<hr/>	<hr/>
	32.336.207.171	26.487.506.624
	<hr/>	<hr/>

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.156.621.483.968	1.032.235.077.012
Chi phí nhân công và nhân viên	146.823.134.888	135.050.340.324
Chi phí khấu hao và phân bổ	41.454.892.283	45.041.018.397
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	180.402.320.180	178.322.760.168
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	16.195.209.232	15.626.825.379
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	4.503.692.759	2.580.414.474
	20.698.901.991	18.207.239.853
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	570.865.115	(147.433.954)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	21.269.767.106	18.059.805.899

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.327.081.661	77.257.594.673
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	16.665.416.332	15.451.518.935
Chi phí không được khấu trừ thuế	100.658.015	27.872.490
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	4.503.692.759	2.580.414.474
	21.269.767.106	18.059.805.899

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho các kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận thuần (VND)	62.057.314.555	59.197.788.774
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(6.205.731.456)	(5.919.778.877)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	55.851.583.099	53.278.009.897
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.202	1.146

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 10%).

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty mẹ <i>Tập đoàn hóa chất Việt Nam</i> Chia cổ tức	11.949.136.500	23.898.273.000
Các cổ đông lớn <i>The Furukawa Battery Co Ltd.,</i> Phí bản quyền Chia cổ tức	1.097.798.750 2.449.854.000	1.421.897.698 4.899.708.000
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF) Chia cổ tức	-	9.880.000.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	3.744.153.720	3.455.520.740
<i>Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn</i>		
Mua hàng hóa	167.011.200	154.935.000
<i>Công ty cổ phần phân bón Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	3.425.755.850	6.827.177.500
<i>Trung Tâm Thông Tin Khoa Học Kỹ Thuật Hóa Chất</i>		
Mua hàng hóa	105.600.000	105.600.000
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao và các phụ cấp</i>		
Ông Lê Hoàng	120.000.000	120.000.000
Ông Lê Văn Năm	40.500.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	84.300.000	79.800.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	84.300.000	79.800.000
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao và các phụ cấp</i>		
Bà Phan Thị Hoàng Giang	45.000.000	40.800.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	45.000.000	40.800.000
Lương và thưởng		
Ông Tạ Duy Linh	109.000.000	97.000.000
Ban Giám đốc		
<i>Lương và thưởng</i>		
Tổng Giám đốc	435.510.000	374.400.000
Các thành viên Ban Giám đốc khác	488.700.000	404.500.000

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 1 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Hồ Tuấn Bảo
Nhân viên phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

